TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/DS-PT
Ngày: 17 – 01 - 2025
V/v "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Tâm

Bà Nguyễn Thị Bích Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Thu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 8 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*"**.**

Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DS-ST ngày 02/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 378/2024/QĐ-PT ngày 11/10/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn**:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1963

Địa chỉ: Số C P, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Bá S, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Số C P, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. (Văn bản ủy quyền ngày 15/5/2023). (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Hữu L – Văn phòng L1.

Địa chỉ: Số C đường Ô, phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Ông Phạm Duy Hòa H1, sinh năm: 1965 (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Kim H2, sinh năm: 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà C L, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Lê Thanh D, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Số A L. Phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. (Văn bản ủy

quyền ngày 13/01/2024). (có đơn xin xét xử vắng mặt)

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:**

Ông Bùi Đức C, sinh năm: 1963. Địa chỉ: Số C P, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Bá S, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Số C P, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. (Văn bản ủy quyền ngày 25/01/2023). (có mặt)

Do có kháng cáo của: Bà Nguyễn Thị Kim H2 – bị đơn; Bà Nguyễn Thị H – nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2023 và bản tự khai các lời khai trong qúa trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông Nguyễn Bá S trình bàyUyền Huy:

Do mối quan hệ quen biết, vào ngày 10/11/2011 bà H có cho ông H1, bà H2 vay số tiền 3.600.000.000đ (ba tỷ sáu trăm đồng), đã trả 600.000.000đ, còn nợ lại 3.000.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày 10/11/2011 đến ngày 10/11/2012, đến hạn bà đòi rất nhiều lần nhưng ông H1, bà H2 không trả gốc và lãi theo thỏa thuận hai bên. Đến ngày 03/01/2021 hai bên thỏa thuận đến tháng 12/2021 sẽ trả hết số tiền trên nhưng đến ngày 22/5/2022 ông H1, bà H2 trả cho bà H số nợ gốc là 1.400.000.000đ (một tỷ bốn trăm triệu đồng).

Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông H1, bà H2 trả cho bà và ông C số tiền gốc 1.600.000.000đ (một tỷ sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 10/11/2021 đến ngày 22/5/2022 là 126 tháng 11 ngày x 3.000.000.000đ x 13,5%/năm (1,125%/tháng) = 4.266.000.000đ, từ ngày 23/5/2022 đến ngày 02/7/2023 là 25 tháng 09 ngày x 1.600.000.000đ x 13.5%/tháng(1,125%/tháng) = 425.400.000đ; tổng cộng là 6.321.400.000đ (sáu tỷ ba trăm hai mươi mốt triệu bốn trăm nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 1.600.000.000đ và tiền lãi là 4.721.400.000đ.

Trước đây nguyên đơn khởi kiện yêu cầu số tiền lãi là 7.959.466.000đ. Nhưng nay nguyên đơn chỉ yêu cầu số tiền lãi là 4.721.400.000đ. Xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 3.238.066.000đ

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn và người đại diện ủy quyền của bị đơn có ông Lê Thanh D trình bày: Vào ngày 10/11/2011 ông bà có vay của bà H số tiền là 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng) hẹn đến ngày 11/11/2012 sẽ trả, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, đến ngày 15/05/2022 ông bà trả cho bà H số tiền 1.400.000.000đ (một tỷ bốn trăm triệu đồng), còn nợ 1.600.000.000đ (một tỷ sáu trăm triệu đồng). Nay bà H khởi kiện yêu cầu trả số tiền gốc 1.600.000.000đ và tiền lãi là 7.959.466.000đ thì ông bà không đồng ý, ông bà chỉ đồng ý trả tiền gốc 1.600.000.000đ (một tỷ sáu trăm triệu đồng), đối với số tiền lãi 7.959.466.000đ ông bà không đồng ý vì thời hiệu khởi kiện đã hết, quá trình hẹn trả nợ không thỏa thuận lãi, yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện để xem xét yêu cầu khởi kiện của bà H.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Bá S trình bày: Thống nhất với ý kiến bà H, yêu cầu ông H1, bà H2 trả cho ông C và H số tiền là 6.321.400.000đ (sáu tỷ ba trăm hai mươi mốt triệu bốn trăm nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 1.600.000.000đ và tiền lãi là 4.721.400.000đ

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án số 22/2024/DS-ST ngày 02/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Đức C. Buộc ông Phạm Duy Hòa H1, bà Nguyễn Thị Kim H2 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Đức C số tiền 2.053.456.000đ (hai tỷ không trăm năm mươi ba triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng) (trong đó tiền gốc là 1.600.000.000đ và tiền lãi là 453.456.000đ).

Không chấp nhận yêu cầu của bà H, ông C đối với số tiền lãi 4.267.944.000đ.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi 3.238.066.000đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 18/7/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện về phần tiền lãi của nguyên đơn, số tiền lãi tạm tính từ ngày 10/11/2011 đến ngày 02/7/2024 là: 4.710.000.000 đồng (Bốn tỷ bảy trăm mười triệu đồng).

Ngày 11/7/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H2 kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần lãi suất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm về phần lãi suất. Nguyên đơn yêu cầu thay đổi về cách tính lãi suất cho đến ngày xét xử phúc thẩm, số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán là 4.122.784.008 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về việc đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi suất và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Những người người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất và nội dung vụ án và tuyên buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 1.6000.000.000đ nợ gốc và 453.456.000đ lãi

là đúng quy định. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn nộp trong hạn luật định, người kháng cáo, thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H2.

[2.1] Xuất phát từ thoả thuận vay mượn tiền giữa bà Nguyễn Thị H với vợ chồng ông Phạm Duy Hòa H1, bà Nguyễn Thị Kim H2. Ngày 10/11/2021 các bên đã lập Giấy mượn tiền (Bút lục 51) với nội dung vợ chồng bà H2 có vay của bà H số tiền là 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng) hẹn đến ngày 11/11/2012 sẽ trả, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Đến ngày 15/05/2022 vợ chồng bà H2 đã trả được cho bà H số tiền nợ gốc là 1.400.000.000đ, còn nợ lại 1.600.000.000đ. Các bên đều thống nhất về số tiền nợ gốc và các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị về số tiền nợ gốc nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét lại.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu tiền lãi từ ngày 10/11/2011 đến ngày 01/01/2017 là 4 năm 01 tháng 22 ngày x 3.000.000.000đ x 13,5%/năm = 1.678.000.000 đồng, từ ngày 02/01/2017 đến ngày 22/5/2022 là 5 năm 04 tháng 20 ngày x 3.000.000.000đ x 10%/năm = 1.616.200.000 đồng, từ ngày 23/5/2022 đến ngày 16/01/2025 là 2 năm 7 tháng 24 ngày x 1.600.000.000đ x 10%/năm = 423.584.008 đồng, tổng cộng tiền lãi là 4.122.784.008 đồng.

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện tại giấy mượn tiền ngày 10/11/2011 số tiền vay 3.000.000.000đ. Quá trình vay đến ngày 03/01/2021 hai bên thỏa thuận và viết giấy hẹn trả nợ, ông H1 bà H2 cam kết *"...từ tháng 01/2021 đến tháng 12/2021 trả đủ 3.000.000.000đ, trả làm 03 lần, 04 tháng trả 1.000.000.000đ (một tỷ đồng..."*; giấy hẹn trả nợ ngày 22/5/2022 thể hiện nội dung *"...vợ chồng tôi đã trả được 1.400.000.000đ (một tỷ bốn trăm triệu đồng) còn lại là 1.600.000.000đ (một tỷ sáu trăm triệu đồng)..."* như vậy đến ngày 22/5/2022 ông H1, bà H2 trả cho ông C, bà H số tiền 1.400.000.000đ. Căn cứ theo giấy mượn tiền ngày 10/11/2011 thì thời hiệu khởi kiện đã hết theo quy định tại Điều 429 BLDS. Thời hiệu khởi kiện tranh chấp về hợp đồng là 03

năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.

Tuy nhiên, đến ngày 03/01/2021 hai bên đã lập *"Giấy hẹn trả nợ"* với nội dung thỏa thuận hẹn trả nợ đến tháng 12/2021. Căn cứ theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Dân sự quy định về việc bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày tiếp theo sau ngày xảy ra sự kiện tại giấy hẹn trả nợ 03/01/2021. Do nội dung thoả thuận chỉ ghi thời hạn cuối cùng mà bà H2, ông H1 phải thanh toán là "tháng 12/2021" không xác định thời điểm trả cụ thể nên được xác định là ngày cuối cùng của tháng 12/2021 (tức ngày 31/12/2021) và nội dung của *"Giấy hẹn trả nợ"* này không đề cập đến việc tính lãi suất của số tiền vay 3.000.000.000đ.

[2.3] Do thời hiệu khởi kiện vụ án được tính lại từ đầu và vợ chồng bà H2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Thời điểm tính lãi suất được tính kể từ sau ngày 31/12/2021 (tức ngày 01/01/2022) cho đến thời điểm Toà án xét xử vụ án. Cụ thể: Nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 13,5%/năm, còn phía bị đơn không đồng ý thanh toán tiền lãi mà chỉ đồng ý trả gốc. Do có tranh chấp về lãi suất nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 để áp mức lãi suất theo quy định pháp luật là 10%/ năm, tương đương 0.83%/ tháng là phù hợp.

Từ những phân tích trên, Toà án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất nội dung vụ án. Thời điểm tính lãi suất tính từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án là phù hợp. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có yêu cầu Hội đồng xét xử tính lãi cho đến ngày xét xử phúc thẩm. Xét thấy yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, bởi vì tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên "kể từ ngày 03/7/2024 cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền…theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 BLDS" là chưa phù hợp với quy định vì bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật, nội dung tuyên ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, tính thêm tiền lãi vay đến ngày xét xử phúc thẩm như sau:

Thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2022 đến ngày 22/5/2022 là 04 tháng 21 ngày x 3.000.000.000đ x 0,83%/tháng = 117.030.000đ; từ ngày 23/5/2022 đến ngày 02/7/2024 là 25 tháng 10 ngày x 1.600.000.000đ x 0.83%/tháng = 336.426.000đ; từ ngày từ ngày 03/7/2024 đến ngày 16/01/2025 là 6 tháng 14 ngày x 1.600.000.000đ x 0.83%/tháng = 85.877.333đ. Tổng cộng tiền lãi là 117.030.000đ + 336.426.000đ + 85.877.333đ = 539.333.333đ (năm trăm ba mươi chính triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

[5] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của bà Nguyễn Thị H ông Bùi Đức C không được chấp nhận một phần nên phải chịu án phí dân sự phần không chấp nhận. Bà H ông C thuộc đối tượng người cao tuổi được miễn án phí và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí. Sửa lại án phí dân sự sơ thẩm đối với án phí bị đơn ông Nguyễn Duy Hòa H3 và bà Nguyễn Thị Kim H2 phải chịu

là 72.000.000 + 2% * (2.139.333.333 - 2.000.000.0000) = 74.786.667đ (bảy mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H nên được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị H2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H2.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DS-ST ngày 02/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Đức C. Buộc ông Phạm Duy Hòa H1, bà Nguyễn Thị Kim H2 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Đức C số tiền 2.139.333.333đ (hai tỷ một trăm ba mươi chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) (trong đó tiền gốc là 1.600.000.000đ và tiền lãi là 539.333.333đ).

"*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác*".

Không chấp nhận yêu cầu của bà H ông C đối với số tiền lãi 4.122.784.008 (bốn tỷ một trăm hai mươi hai triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn không trăm lẻ tám đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi 3.238.066.000đ (ba tỷ hai trăm ba mươi tám triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Đức C.

Buộc ông Phạm Duy Hòa H1, bà Nguyễn Thị Kim H2 phải chịu 74.786.667đ (bảy mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0006521 ngày 25/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSND tỉnh LĐ;
- TAND thành phố Bảo Lộc (02);
- Phòng TTr, KT &THA
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Vân